

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ CHÍ THIỆN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ CHÍ THIỆN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109820480

3. Ngày thành lập: 22/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7 LK9 Tổng Cục 5, Thôn Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966.346.368

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530

10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632(Chính)
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn dụng cụ y tế Kinh doanh thuốc	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663

28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su Kinh doanh trang thiết bị y tế	4669
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
35.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
38.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
39.	Lập trình máy vi tính	6201
40.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
41.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
42.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
43.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
45.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
46.	Quảng cáo	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
56.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
57.	Sản xuất đường	1072
58.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
59.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
60.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
61.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
62.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
63.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
64.	Sản xuất rượu vang	1102
65.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
66.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
67.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
68.	Sản xuất sợi	1311
69.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
70.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
71.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
72.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
73.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
74.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
75.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
76.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
77.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
78.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
79.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
80.	Sản xuất giày, dép	1520
81.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

87.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
88.	In ấn	1811
89.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
90.	Sao chép bản ghi các loại	1820
91.	Sản xuất than cốc	1910
92.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
93.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
94.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
95.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
96.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
97.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
98.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
99.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
100.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
101.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
102.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
103.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
104.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
105.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
106.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
107.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
108.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
109.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
110.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
111.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
112.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
113.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
114.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
115.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
116.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
117.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
118.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
119.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
120.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210

121.	Bốc xếp hàng hóa	5224
122.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
123.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
124.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
125.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
126.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
127.	Xuất bản phần mềm	5820
128.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
129.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
130.	Đại lý du lịch	7911
131.	Điều hành tua du lịch	7912
132.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
133.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
134.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
135.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
136.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
137.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
138.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa Sản xuất trang thiết bị y tế	3250
139.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
140.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
141.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
142.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
143.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
144.	Thu gom rác thải độc hại	3812
145.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
146.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
147.	Xây dựng nhà để ở	4101
148.	Xây dựng nhà không để ở	4102

149.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
150.	Xây dựng công trình điện	4221
151.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
152.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
153.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
154.	Xây dựng công trình thủy	4291
155.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
156.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
157.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
158.	Phá dỡ	4311
159.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
160.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
161.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
162.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
163.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
164.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
165.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thuốc: Nhà thuốc, Quầy thuốc	4772

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 190.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	Thôn My Thượng, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	30,000	0371560077 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	57.000	570.000.000	30,000		
2	CÁT HUY TÚC	Thôn Kim Đái 2, Xã Kim Sơn, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	30,000	0010830242 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	57.000	570.000.000	30,000		

3	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	Thôn Kim Đái 2, Xã Kim Sơn, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	76.000	760.000.000	40,000	001187039149
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	76.000	760.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001187039149

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kim Đái 2, Xã Kim Sơn, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kim Đái 2, Xã Kim Sơn, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội